TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 7 – 2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Lệ .
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Tuyết Vân - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp *"*ly hôn, nuôi con chung*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trương Thị Tuyết N** – sinh ngày: 02/11/1997 (Vắng mặt có đơn).

Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Nay là ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

- *Bị đơn*: Anh **Hồ Văn N1** - sinh ngày: 15/9/1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Nay là ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2025 và những lời trình bày khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Tuyết N trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh N1 do quen biết rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện

V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/3/2022 (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Sau ngày cưới chị sống bên chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cải, dẫn đến mất hạnh phúc. Chị và anh N1 đã không còn sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn N1.

- *Về con chung*: Có một con chung tên Hồ Duy K, sinh ngày 05/5/2023 hiện nay đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hồ Văn N1 đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh N1 nhưng anh N1 không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của anh N1 không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa chị N và bị đơn anh N1, anh N1 có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long). Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét thấy, nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3] Xét việc bị đơn anh N1 được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có

thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa chị N và anh N1 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị N, anh N1 có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên tình cảm dần phai nhạt. Chị N và anh N1 đã ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2024 đến nay, từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập anh N1 nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh N1 cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy anh N1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị N anh N1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị N yêu cầu ly hôn với anh N1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị N xác định chị N và anh N1 có 01 người con chung tên Hồ Duy K, sinh ngày 05/5/2023 hiện nay đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị N và anh N1 không còn chung sống với nhau cho đến nay thì cháu K sống chung với chị N cuộc sống ổn định. Hơn nữa cháu K còn nhỏ nên cần được ở bên cạnh người mẹ tiện bề chăm sóc. Mặc khác anh N1 vắng mặt, không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu K cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh N1 không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh N1 không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Tuyết N.

- *Về hôn nhân*: Cho chị Trương Thị Tuyết N được ly hôn với anh Hồ Văn N1.

- *Về con chung*: Giao cháu Hồ Duy K, sinh ngày 05/5/2023 cho chị Trương Thị Tuyết N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hồ Văn N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị Tuyết N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Hồ Văn N1 không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Trương Thị Tuyết N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Hồ Văn N1 không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*:

+ Chị Trương Thị Tuyết N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0009987 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Vĩnh Long). Chị Trương Thị Tuyết N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Hồ Văn N1 không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND xã Trung Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.